

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO DẠY NGOẠI NGỮ Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN I

ThS. NGUYỄN THỊ UYÊN*

Abstract: Currently, information technology plays a very important role in the teaching process. Thanks to information technology that the transmission of knowledge between teachers and students to achieve greater efficiency. Information Technology enriches knowledge and simplifies the process of acquiring knowledge of students, so that generates interest and attract students to lessons. The application of information technology in teaching foreign languages benefits students, but actual state of the application in the People's Police College I is still limited.

Keywords: Information technology, apply, teaching process, state, application, teaching foreign language, difficulty.

1. Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin (CNTT) hiện nay, việc ứng dụng CNTT vào tất cả các lĩnh vực nói chung, dạy ngoại ngữ (NN) nói riêng là một hướng công nghệ đào tạo mới tất yếu. Trong quá trình học NN, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên (SV) luôn cần được đặt lên hàng đầu. Do vậy, để đáp ứng được các yêu cầu của thời đại, các nguyên tắc và phương pháp truyền thống trước đây như sử dụng giáo trình để truyền thụ kiến thức một cách thụ động, sử dụng băng video, cassette, tranh vẽ, biểu bảng... đang ngày càng cần được loại bỏ và thay thế bằng việc sử dụng CNTT trong dạy NN như soạn giáo án điện tử (GAĐT) bằng hình ảnh sinh động, các trò chơi ngôn ngữ trên máy tính giúp học sinh dễ tiếp thu, có phòng thực hành nghe nói riêng, đặc biệt là học viên có thể tự học NN online trên máy tính... Tóm lại, CNTT làm phong phú và đơn giản hóa quá trình tiếp thu kiến thức của SV, nhờ đó, tạo ra được sự quan tâm và thu hút người học ngày một sâu rộng. Mặc dù không thể phủ nhận lợi ích của việc ứng dụng CNTT trong dạy học (DH) NN, song việc ứng dụng CNTT tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân (CĐCSND) I còn nhiều hạn chế và khó khăn.

2. Lợi ích của ứng dụng CNTT vào giảng dạy

CNTT mang lại sự linh hoạt, chủ động trong học tập. CNTT đã và đang góp phần giúp giảng viên (GV) đổi mới phương pháp và hình thức giảng dạy. Hiện nay, nhiều thiết bị DH tiên tiến đã được giới thiệu và khuyến khích sử dụng trong các lớp học nói chung, NN nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, phổ thông. Nói đến các phương tiện DH NN hiện đại

không thể không kể đến máy chiếu hắt (OHP), đầu Video, VCD, DVD, tivi, máy vi tính và đặc biệt Internet... Internet giúp người học có thể truy cập tài liệu như thư viện điện tử, các trang web hay qua báo chí điện tử, học NN trực tuyến, đối thoại trực tiếp với GV nước ngoài. Hơn nữa, SV dễ dàng tiếp cận với văn hóa và ngôn ngữ khác nhau trên thế giới cũng như dễ dàng đưa văn hóa và ngôn ngữ đó vào cuộc sống một cách nhanh chóng. Thực tế cho thấy, nhờ có CNTT mà GV dễ dàng nâng cao chất lượng giảng dạy và tạo ra một môi trường học mang tính tương tác cao. Cụ thể:

2.1. Sử dụng CNTT trong việc biên soạn

GAĐT: Khái niệm GAĐT ngày nay đã không còn xa lạ với GV. Việc sử dụng GAĐT trong dạy và học đã và đang được triển khai rộng khắp trong các cơ sở giáo dục hiện nay. Máy tính đã trở thành một công cụ đắc lực và không thể thiếu, giúp GV thiết kế bài giảng và truyền đạt kiến thức một cách dễ dàng. Bài giảng dạy trên máy tính trở nên sinh động hơn, tiết kiệm được nhiều thời gian hơn so với cách dạy theo phương án truyền thống chỉ với phấn và bảng đen. GAĐT giúp GV có nhiều thời gian để đặt câu hỏi và tạo ra các hoạt động trong giờ học nhiều hơn, tạo được không khí hứng khởi cho SV. GAĐT có sự tích hợp cả âm thanh, hình ảnh nên sẽ giúp người học nhìn trực quan, thông qua đó đánh giá vấn đề sâu sắc hơn; còn GV sẽ tiết kiệm được thời gian, công sức hơn vì họ có thể tải dữ liệu từ trên Internet và xử lý để đưa vào bài giảng. Tuy

* Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

nhiên, điều này đòi hỏi GV cần tích cực trau dồi khả năng tin học của mình.

Soạn GAĐT sẽ kích thích khả năng sáng tạo, ý tưởng mới của GV vì muốn có GAĐT hấp dẫn, chất lượng, ngoài khả năng chuyên môn, GV cần có ý tưởng, tích cực suy nghĩ để lựa chọn hình thức thể hiện phù hợp với nội dung bài giảng như: sơ đồ, vấn đề trọng tâm... được trình bày rõ ràng và chỉ cần một vài thao tác, tất cả những dữ liệu được truyền đạt đến người học một cách mạch lạc và đầy đủ nhất.

2.2. Sử dụng CNTT thiết kế trò chơi: Trong dạy và học NN, SV sẽ học hiệu quả hơn nếu được học trong bầu không khí vui vẻ, thư giãn và có nhiều cơ hội được giao tiếp trong bối cảnh của thế giới thực. Việc sử dụng các trò chơi ngôn ngữ trong giảng dạy NN là một trong những phương pháp hữu hiệu có thể làm tăng động cơ học tập cho SV, một trong những yếu tố quyết định đến thành công trong việc học NN của họ, đồng thời, kích lệ SV duy trì việc học và hứng thú trong việc học. Ngoài ra, trò chơi ngôn ngữ còn giúp cho GV tạo ra những ngữ cảnh mà ở đó ngôn ngữ thực hành rất hữu dụng và dễ hiểu với SV. Do đó, GV có thể đưa trò chơi vào bài giảng để tạo môi trường học thoải mái và nhẹ nhàng, không nặng nề về lý thuyết. Các trò chơi ngôn ngữ có thể được sử dụng để phát triển toàn diện cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho SV. Bên cạnh đó, còn có những trò chơi phát triển vốn từ vựng, và cải thiện cách phát âm. GV có thể thiết kế cho SV một số trò chơi, hoạt động để thực hiện trong quá trình giảng dạy như: *Language Practice Games, structure games, feel and think, vocabulary games, bingo, coffee pot, pronunciation games...* nhằm tăng sự hứng thú học tập cho SV, giúp SV phát triển các kỹ năng mà phương pháp giảng dạy truyền thống không đáp ứng được.

2.3. Sử dụng các phần mềm và các trang mạng hỗ trợ giảng dạy: Ngày nay, CNTT phát triển nên có rất nhiều chương trình phần mềm ứng dụng tiện ích cho việc học NN như *Hot potatoes, Movie marker, Toondo...* Việc ứng dụng các phần mềm này đã tạo điều kiện thuận lợi cho GV biên soạn bài giảng linh động qua việc thiết kế các dạng bài tập nhằm kích thích người học tích cực tham gia bài giảng. Ngoài ra, GV có thể khai thác trực tiếp nguồn tài liệu vô tận sẵn có trên Internet để đưa vào bài giảng và giải thích những thắc mắc của SV qua các thước phim chiếu

trực tiếp trong lớp học. Việc đưa phim vào giảng dạy NN sẽ tạo môi trường thực hành tiếng thực sự hiệu quả nhằm giúp cho SV tiếp cận ngôn ngữ và kiến thức qua những tình huống thực tế.

3. Thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy NN ở Trường CĐCSND I

Hiện nay, hầu hết các phòng học ở Trường CĐCSND I đều được trang bị hệ thống máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của GV và SV. Ngoài ra, nhà trường cũng trang bị thêm 4 phòng Lab (ở hai cơ sở) dành riêng cho thực hành tiếng. Tuy nhiên, hệ thống máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh ở các phòng học đôi khi chỉ là hình thức, chất lượng không đảm bảo; tại các phòng Lab dành riêng cho thực hành tiếng còn thiếu máy chiếu, hệ thống máy tính và đầu bảng đã quá lạc hậu, đồng thời lưu lượng SV quá đông nên không đáp ứng được nhu cầu của SV. Hơn nữa, nhà trường chưa trang bị hệ thống Internet ở các phòng học nói chung và các phòng học NN nói riêng nên việc khai thác các thông tin phục vụ giảng dạy cũng như sự tương tác giữa GV và SV còn hạn chế. Ngoài ra, nhiều GV cũng còn ngại sử dụng CNTT trong quá trình giảng dạy vì họ phải mất nhiều thời gian chuẩn bị.

Từ thực tế trên, bộ môn NN - Tin học đã đề xuất nhà trường bổ sung hệ thống máy tính cho phòng thực hành tiếng thành phòng học đa năng; nhà trường cũng cần mở lớp tập huấn về sử dụng CNTT trong giảng dạy. Như vậy, không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng CNTT trong quá trình giảng dạy của GV mà còn là tiêu chí đánh giá đổi mới phương pháp giảng dạy của GV. Do đó, các phòng học không được trang bị hệ thống CNTT hoặc trang bị không đầy đủ, hiện đại sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới việc đánh giá GV trong quá trình giảng dạy.

Đối với việc dạy và học các môn học như *Văn hóa Anh, Văn hóa Mỹ, Văn học Anh, Ngữ âm*, sự hỗ trợ của hệ thống máy tính, máy chiếu sẽ giúp SV có cơ hội tiếp cận môn học một cách dễ dàng và hiệu quả. Ngoài ra, xem phim về các tình huống thực tế là một trong những phương pháp hữu hiệu có thể gợi động cơ học tập cho SV, một trong những yếu tố quyết định đến thành công trong việc học NN.

Tóm lại, hiện nay việc ứng dụng CNTT trong dạy và học NN đang có những bước phát triển mạnh mẽ và ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong

quá trình giảng dạy. Việc ứng dụng CNTT là rất cần thiết để trau dồi những kĩ năng NN như ngữ pháp, từ vựng, nghe, nói, đọc viết... mà không cần phải đầu tư những khoản tiền lớn để GV ra nước ngoài thực tế hoặc mời các chuyên gia nước ngoài về giảng dạy. Nhờ CNTT hiện đại, SV có thể tự học, tự nghiên cứu, giao lưu nhằm nâng cao khả năng thực hành tiếng của mình.

Từ thực tế trên, nhà trường cần chú trọng tới việc nâng cấp và trang bị phòng học nhằm hướng tới đạt chuẩn phòng học NN để có thể nâng cao chất lượng giảng dạy hiệu quả nhất. Tình trạng nhiều phòng học NN không lắp đặt hệ thống máy chiếu đã gây không ít khó khăn cho GV khi các bài giảng bằng GAĐT đã được biên soạn kĩ lưỡng, công phu. Do đó, SV rất khó tiếp thu kiến thức môn học và phát triển kĩ năng thuyết trình một cách hiệu quả; còn GV

thụ động và mất thời gian trong việc truyền đạt kiến thức cho SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Becta (2004). *What the research says about using ICT in modern foreign languages*. London.
- [2] Buabeng-Andoh, C (2012). *Factors influencing teachers' adoption and integration of information and communication technology into teaching: A review of the literature*. International Journal of Education and Development using ICT, 8(1), 136-155. <http://ijedict.dec.uwi.edu/viewarticle.php?id=1361>
- [3] Carr, N. (2011). *The shallows: What the internet is doing to our brains*. New York: Norton & Company.
- [4] Brown, H.D (1994). *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy*. Englewood Cliff, NJ: Prentice Hall.
- [5] Dörnyei, Z (1994). *Conceptualizing Motivation in Foreign-Language Learning*.
- [6] Lee, W.R. (1979). *Language Teaching Games and Contexts*. Oxford 21 Press.

Phát triển năng lực phát hiện và...

(Tiếp theo trang 96)

trong đó có 39/42 HS đạt loại khá, giỏi, chiếm 92,9%, với 3 HS đạt điểm 10, chiếm 7,1%. Lớp đối chứng có 42/43 HS đạt điểm trung bình trở lên, chiếm 97,7%; trong đó có 35/43 HS đạt loại khá, giỏi, chiếm 81,4% và không có HS nào đạt điểm 10. Có một số em ở lớp thực nghiệm đạt điểm tối đa do các em có nhiều lời giải và tìm được lời giải hay, độc đáo. Lớp đối chứng không có em nào đạt điểm tối đa. Điểm trung bình học tập ở lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng, số HS có điểm khá giỏi ở lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng.

Để có thể khẳng định về chất lượng của đợt thực nghiệm sư phạm, chúng tôi tiến hành xử lí số liệu thống kê toán học. Kết quả kiểm định chứng tỏ chất lượng học tập của lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng là có ý nghĩa thống kê.

- *Kết quả đánh giá định tính:* Trong quá trình tổ chức thực nghiệm sư phạm, theo dõi sự chuyển biến trong hoạt động học tập của HS, bước đầu cho thấy: + HS lớp thực nghiệm học tập tích cực, chịu khó suy nghĩ tìm tòi cách giải bài tập, hoạt động nhóm diễn ra sôi nổi, có nhiều ý kiến hay, sáng tạo hơn so với lớp đối chứng; khả năng tiếp thu kiến thức mới và phát hiện

sai lầm nhanh, khả năng tìm được nhiều cách giải và có cách giải độc đáo của HS lớp thực nghiệm hơn lớp đối chứng; + HS ở cả hai lớp đều nắm vững kiến thức cơ bản. Tuy nhiên, cách trình bày lời giải ở lớp thực nghiệm mạch lạc, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ hơn.

Kết quả thực nghiệm cho thấy tính khả thi của các biện pháp sư phạm, góp phần phát triển NL PH&GQVĐ vẫn đề trong dạy học HHKG cho HS.

NL PH&GQVĐ là một trong những NL cơ bản của HS trung học phổ thông. Trong quá trình dạy học môn *Toán*, GV cần thiết kế các hoạt động học tập, vận dụng linh hoạt các biện pháp sư phạm nhằm giúp HS có điều kiện, cơ hội phát triển NL PH&GQVĐ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Bá Kim (2004). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] G. Polya (1997). *Sáng tạo toán học*. NXB Giáo dục.
- [3] Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên) - Văn Như Cương (chủ biên) - Phạm Khắc Ban - Lê Huy Hùng - Tạ Mân (2008). *Hình học 12 nâng cao*. NXB Giáo dục.
- [4] Từ Đức Thảo (2012). *Bồi dưỡng năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề cho học sinh trung học phổ thông trong dạy hình học*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Vinh.
- [5] Nguyễn Bá Kim (2006). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.